

Bản án số: **280/2022/DS-PT**

Ngày: 21/11/2022

V/v tranh chấp: "Hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Lê Thị Hồng Tâm**.

*Các Thẩm phán:*

1. Bà **Trần Thị Kim Em**.

2. Bà **Nguyễn Ái Đoan**.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Phạm Thanh Liêm**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Cẩm Thúy**, Kiểm sát viên.

Ngày **21** tháng **11** năm **2022**, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 227/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 133/2022/DS-ST ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện GCD, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 299/2022/QĐ-PT ngày 02 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Khu phố D, thị trấn T, huyện GCD, tỉnh Tiền Giang.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông **Lê Trường X**, sinh năm 1991. Địa chỉ: XX Trần Thị T, phường Y, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Tạm trú: Khu phố H, thị trấn T, huyện GCD, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

\* *Bị đơn:* Bà **Bạch Thị M**, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Ấp B, xã TH, huyện GCD, tỉnh Tiền Giang.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Bà **Nguyễn Kim H**, sinh năm 1966. Địa chỉ: số A, khu phố Z, phường B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

\* *Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:* Bà **Lê Thị Ngọc O**, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện GCD, tỉnh Tiền Giang (xin vắng mặt).

*\* Người kháng cáo: Bị đơn **Bạch Thị M.***

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo bản án sơ thẩm,

*\* Tại đơn khởi kiện và lời trình bày của đại diện ủy quyền nguyên đơn Nguyễn Thị T, anh Lê Trường X trình bày:*

Bà T và bà M có quan hệ mua bán lúa với nhau. Bà T thu mua lúa của người dân rồi bán lại bà M. Hai bên thỏa thuận giao lúa xuống ghe thì giao tiền. Nhưng vào ngày 19, 20 tháng 01 năm 2022 âm lịch do trùng thứ 7, chủ nhật trên Công ty không chuyển tiền được nên bà M và bà T có thỏa thuận giao lúa vào 02 ngày này thì thứ 2 mới trả tiền. Ngày 18 bà T có giao cho bà M 213 bao lúa tương đương  $12.301\text{kg} \times 6.200 \text{ đồng/kg} = 76.266.200$  đồng nhưng bà M nói không có nhận và không trả tiền cho bà T. Việc giao nhận lúa là do con bà M tên O xác nhận và có ghi sổ theo dõi. Sau đó, bà T có xuống nhà để trao đổi với bà thì bà M chỉ nói lộn có 09 bao và đưa bà T số tiền 8.660.000 đồng. Nay bà T yêu cầu bà M có nghĩa vụ trả lại cho bà T giá trị 213 bao lúa tương đương 76.266.200 đồng (trừ vào số tiền 8.660.000 đồng) còn 67.606.200 đồng và yêu cầu trả lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 18/01/2022 âm lịch đến khi Tòa xét xử.

Chứng cứ chứng minh: 02 tờ giấy viết tay theo dõi việc giao lúa.

*\* Tại bản tự khai và trong suốt quá trình tố tụng, đại diện ủy quyền bị đơn là bà Nguyễn Kim H trình bày:*

Việc giao lúa, cân lúa do bà T tự cân và báo lại số kg với bà M để trả tiền. Ngày 18/01/2022 âm lịch bà T báo có giao cho bà M 204 bao lúa tương đương với số tiền là 72.800.000 đồng và bà M đã trả tiền cho bà T đầy đủ. Ngày 19/01/2022 âm lịch bà T có báo với bà M ngày 18 là 213 bao lúa (lộn 09 bao), sau đó bà T nói lộn nên khi công ty điện thoại báo có dư 09 bao lúa nên bà M và bà T có thỏa thuận lại với nhau nên bà M có đưa thêm cho bà T là 09 bao lúa với số tiền là 8.660.000 đồng. Nay với yêu cầu của bà T thì bà M không đồng ý vì đã trả đầy đủ cho bà T rồi không còn nợ tiền lúa của bà T.

*\* Tại bản tự khai và trong suốt quá trình tố tụng người có quyền và nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Ngọc O trình bày:* Ngày 18/01/2022 chị có nhận 213 bao lúa xuống ghe của bà T giao cho mẹ chị là bà M. Còn việc giao trả tiền như thế nào thì bà T tính với mẹ chị nên chị không biết mẹ chị có trả tiền cho bà T chưa. Ngoài ra chị không biết gì nữa, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bản án dân sự sơ thẩm số 133/2022/DS-ST ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện GCD, tỉnh Tiền Giang căn cứ Điều 357, 430, 440, 466 Bộ luật dân sự; Điều 26, 35, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

Buộc bà Bạch Thị M có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền mua lúa và lãi còn nợ tổng cộng là 69.864.200 đồng (Sáu mươi chín triệu tám trăm sáu mươi bốn ngàn hai trăm đồng). Thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Bạch Thị M chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

\* Ngày 13 tháng 7 năm 2022, bị đơn Bạch Thị M có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm.

*\* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:*

Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, bà Nguyễn Kim H, đại diện theo ủy quyền của bị đơn Bạch Thị M đồng ý trả số tiền vốn 67.606.200 đồng, xin không trả lãi và ông Lê Trường X, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Thị T đồng ý cho bà Bạch Thị M trả tiền vốn, không tính lãi. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn Bạch Thị M thực hiện quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại các điều 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Bà Nguyễn Thị T và bà Bạch Thị M có giao dịch mua bán lúa. Hai bên phát sinh tranh chấp đối với 213 bao lúa giao ngày 18/01/2022 (âm lịch). Cụ thể:

[2.1] Việc giao nhận 213 bao lúa ngày 18/01/2022 (âm lịch): Nguyên đơn Nguyễn Thị T, bà Bạch Thị M và chị Lê Thị Ngọc O thống nhất ngày 18/01/2022 (âm lịch) bà Nguyễn Thị T có giao cho bà Bạch Thị M 213 bao lúa, trọng lượng 12.301 kg, giá 6.200 đồng/kg. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự

[2.2] Việc thanh toán tiền: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị T xác định bà M chỉ thanh toán 09 bao lúa với số tiền là 8.660.000 đồng, còn lại 204 bao chưa thanh toán. Bị đơn Bạch Thị M trình bày khi bà T giao 213 bao lúa thì bà có điện thoại hỏi thì bà T nói 204 bao và bà đã thanh toán 204 bao cho bà T. Nhưng sau đó bên công ty phát hiện dư 09 bao thì bà T nói số lúa của bà T thiếu và bà có trả tiền thêm cho bà T 09 bao lúa là 8.660.000 đồng. Bà đã

thanh toán xong số tiền 213 bao lúa ngày 18/01/2022 (âm lịch), nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

[2.3] Xét, bị đơn Bạch Thị M thừa nhận đã nhận của nguyên đơn Nguyễn Thị T 213 bao lúa, nhưng không chứng cứ gì chứng minh là đã thanh toán tiền xong, trong khi đó bà Nguyễn Thị T chỉ thừa nhận có nhận số tiền 8.660.000 đồng của 09 bao lúa; còn lại 204 bao chưa thanh toán. Do đó, bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị T và buộc bà Bạch Thị M phải trả cho bà T số tiền 67.606.200 đồng, là có căn cứ, phù hợp Điều 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.4] Về tiền lãi: Nguyên đơn Nguyễn Thị T yêu cầu tính tiền lãi của số tiền 67.606.200 đồng từ ngày 18/01/2022 (âm lịch) cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Xét, bà Nguyễn Thị T giao lúa cho bà M vào ngày 18/02/2022 (nhằm ngày 18/01/2022 âm lịch) nhưng đến nay phía bà M không thực hiện nghĩa vụ trả tiền, nên việc chị Tuyết yêu cầu bà M trả tiền lãi của số tiền chưa thanh toán, là có căn cứ. Bản án sơ thẩm xác định ngày 18/02/2022 (nhằm ngày 18/01/2022 âm lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm là  $04 \text{ tháng} \times 0,83\% = 2.258.000$  đồng, là phù hợp Điều 440, 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Kim H là đại diện theo ủy quyền của bị đơn Bạch Thị M đồng ý trả cho nguyên đơn Nguyễn Thị T số tiền vốn 67.606.200 đồng và xin không trả tiền lãi. Ông Lê Trường X, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Thị T đồng ý cho bà Bạch Thị M trả tiền vốn 67.606.200 đồng và không tính tiền lãi. Xét, việc thỏa thuận của hai bên đương sự là tự nguyện, không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, là có căn cứ

[5] Về án phí: Bà Bạch Thị M không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Bà Bạch Thị M phải nộp 3.380.310 đồng (làm tròn 3.380.000 đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn Nguyễn Thị T được miễn nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm do người cao tuổi, nên không phải hoàn lại.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 430, Điều 440 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Bạch Thị M. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn Nguyễn Thị T, đại diện theo ủy quyền là ông Lê Trường X với bị đơn Bạch Thị M, đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Kim H.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 133/2022/DS-ST ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện GCD, tỉnh Tiền Giang.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Bạch Thị M có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 67.606.200 đồng (Sáu mươi bảy triệu sáu trăm lẻ sáu ngàn hai trăm đồng).

Kể từ khi bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Bạch Thị M chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Bà Bạch Thị M không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Bà Bạch Thị M phải nộp 3.380.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007999 ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện GCD, nên còn phải nộp tiếp 3.080.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện GCD;
- Chi cục THADS huyện GCD;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu hồ sơ vụ án.

DSPT-2022-Tâm

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

**Lê Thị Hồng Tâm**